

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23/01/2025.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Đến.

2. Ông Lâm Thái Hiệp.

- Thư D phiên tòa: Ông Tô Hoàng Kha, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 298/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thanh N, sinh ngày 29/11/1996 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh Trần Công D, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 10 năm 2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đặng Thanh N trình bày: Chị và anh D xây dựng hôn nhân vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống, có hai người con chung là cháu Trần Đặng An N, sinh ngày 15/9/2016 và cháu Trần Đặng Gia K, sinh ngày 27/11/2020. Hiện nay cháu N và cháu K đang sống cùng tôi. Về tài sản chung và nợ chung, không có.

Quá trình chung sống, chị và anh D không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau khiến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị và anh D đã sống ly thân từ năm 2018 đến năm 2019 tiếp tục về sống

chúng. Tuy nhiên, từ năm 2021 tiếp tục mâu thuẫn không giải quyết được nên sống ly thân đến nay mà không có biện pháp gì hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Vì vậy, nay chị yêu cầu ly hôn với anh D. Về con chung, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và cháu K. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn anh Trần Công D từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, anh D đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, Tòa án có đến nhà anh D để tiến hành lấy lời khai nhưng không gặp anh D nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh D.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Trần Đăng Anh N ngày 16/12/2024, cháu N xác định: Hiện nay cháu đang sống cùng mẹ, nếu cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống cùng mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh D. Về con chung, giao cháu Trần Đăng An N, sinh ngày 15/9/2016 và cháu Trần Đăng Gia K, sinh ngày 27/11/2020 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Đặng Thanh N nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với anh Trần Công D. Khi khởi kiện, anh D có địa chỉ tại ấp V, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Đặng Thanh N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, anh Trần Công D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Đặng Thanh N và anh Trần Công D tự nguyện kết hôn, có đăng D kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 10 tháng 5 năm 2016 nên hôn nhân giữa chị N và anh D là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Chị Đặng Thanh N xác định quá trình chung sống, chị và anh D không cùng quan điểm sống nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau khiến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Đồng thời, chị và anh D đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay mà không có biện pháp gì hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Tại biên bản xác minh ngày 11 tháng 12 năm 2024, bà Đặng Bé T là mẹ của anh Trần Công D xác định “Chị N và anh D bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Quá trình chung sống, từ năm 2028 hai người ly thân đến năm 2019 thì về sống chung lại. Sau đó, đến năm 2021 thì tiếp tục mâu thuẫn nên sống ly thân cho đến nay. Hiện nay, anh D đi làm xa ở Bình Dương còn chị N thì dẫn con về sống cùng cha mẹ đẻ. Khi Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh D thì bà có điện thoại cho anh D biết nhưng anh D đi làm không về được, anh D đồng ý ly hôn và giao con cho chị N nuôi dạy, giáo dục”. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh D đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh D biết chị N yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến và cũng không thể hiện thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị N, điều này thể hiện thông qua việc anh D biết Tòa án triệu tập nhưng có thái độ bỏ mặc không đến hòa giải và xét xử. Do đó, chị N yêu cầu được ly hôn với anh D là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, chị N và anh D có hai người con chung là cháu Trần Đặng An N, sinh ngày 15/9/2016 và cháu Trần Đặng Gia K, sinh ngày 27/11/2020. Hiện cháu hai cháu đang sống cùng chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Đặng An N, sinh ngày 15/9/2016 và cháu Trần Đặng Gia K, sinh ngày 27/11/2020, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đảm bảo điều kiện cho con chưa thành niên. Từ khi ly thân đến nay, cháu N và cháu K sống cùng chị N, chị N vẫn chăm sóc cháu tốt, phát triển bình thường. Đồng thời, tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 16/12/2024, cháu Nhi cũng có nguyện vọng sống cùng mẹ. Do vậy, cần giao cháu N và cháu K cho chị N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đặng Thanh N xác định quá trình chung sống, chị và anh D không có tài sản chung, nợ chung và chị N, anh D cũng không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Đặng Thanh N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thanh N với anh Trần Công D. Xử cho chị Đặng Thanh N được ly hôn với anh Trần Công D.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Đặng An N, sinh ngày 15/9/2016 và cháu Trần Đặng Gia K, sinh ngày 27/11/2020 cho chị Đặng Thanh N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trần Công D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đặng Thanh N không yêu cầu anh Trần Công D cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đặng Thanh N xác định không có, chị Đặng Thanh N và anh Trần Công D đều không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Đặng Thanh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Đặng Thanh N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004014 ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- UBND xã Ninh Quới, huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Lệ Thu